

|    |                              |  |
|----|------------------------------|--|
| 1  | bài                          |  |
| 2  | đây, này                     |  |
| 3  | bao gồm                      |  |
| 4  | điều, vật/đồ vật             |  |
| 5  | hoạt động, sự hoạt động      |  |
| 6  | chơi                         |  |
| 7  | làm                          |  |
| 8  | có, ăn, uống                 |  |
| 9  | học                          |  |
| 10 | tần suất                     |  |
| 11 | kĩ năng                      |  |
| 12 | đọc                          |  |
| 13 | về                           |  |
| 14 | nói chuyện, trò chuyện       |  |
| 15 | loại/chủng loại              |  |
| 16 | muốn, thích                  |  |
| 17 | đi                           |  |
| 18 | lắng nghe                    |  |
| 19 | viết                         |  |
| 20 | hằng ngày, mỗi ngày          |  |
| 21 | giới thiệu                   |  |
| 22 | một người nào đó             |  |
| 23 | trở nên                      |  |
| 24 | bắt đầu                      |  |
| 25 | đặc biệt, riêng biệt, riêng  |  |
| 26 | ngày                         |  |
| 27 | to tiếng                     |  |
| 28 | tiếng gõ; gõ                 |  |
| 29 | sẵn sàng                     |  |
| 30 | chỉ                          |  |
| 31 | phút                         |  |
| 32 | bạn                          |  |
| 33 | vui, tốt, đẹp, hay           |  |
| 34 | gặp, gặp gỡ                  |  |
| 35 | sống, sinh sống              |  |
| 36 | gần                          |  |
| 37 | ở đây                        |  |
| 38 | cùng, như nhau               |  |
| 39 | nhìn, trông có vẻ            |  |
| 40 | nặng                         |  |
| 41 | môn học                      |  |
| 42 | đồng phục                    |  |
| 43 | thanh nhĩ, lịch sự, bánh bao |  |
| 44 | mang, mặc, đội, đeo          |  |
| 45 | có thể                       |  |
| 46 | đánh dấu kiểm "v", dấu kiểm  |  |
| 47 | nói                          |  |
| 48 | mang, mặc                    |  |
| 49 | ghép, làm cho hợp            |  |
| 50 | lặp lại                      |  |

|    |                       |  |
|----|-----------------------|--|
| 51 | gặp; hiểu rõ, nhận ra |  |
|----|-----------------------|--|